TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 16-01-2026
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Bà Đàm Thị Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc *" ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc H, sinh ngày 25-11-1978

Số Căn cước công dân: 030078004791. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 25-9-2022.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Chị Trần Thị Phương T, sinh ngày 01-04-1983

Số căn cước công dân 030183023422. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 31-8-2021.

NĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng.

Hiện đang lao động ở tại Nhật Bản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường L, thành phố Hải Phòng

(Anh H, chị T, bà T1 đều có đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Quốc H trình bày: Anh và chị Trần Thị Phương T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn vào ngày 07-11-2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi chị T đi lao động ở nước ngoài (tháng 4-2024) tình cảm vợ chồng không còn được như trước nữa. Chị cũng chưa lần nào về thăm gia đình. Anh có nghe nói chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở bên Nhật Bản. Vợ chồng thỉnh thoảng nói chuyện với nhau qua điện thoại nhưng chỉ cãi nhau. Do vậy anh chị không còn liên lạc với nhau khoảng từ tháng 5-2025 đến nay. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không nghe. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn từ tháng 5-2025 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 09-02-2016. Từ khi chị T đi nước ngoài đã gửi cháu đến ông bà ngoại ở T, thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) để chăm sóc, nuôi dưỡng giúp. Do anh làm nghề tàu thuyền, thường xuyên vắng nhà nên anh đã đồng ý cho cháu về ở với ông bà. Anh vẫn có trách nhiệm với cháu. Nay vợ chồng ly hôn nếu cháu C có nguyện vọng ở với ai thì anh tôn trọng ý kiến của cháu. Nếu cháu muốn ở với anh thì anh sẽ nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề lái tầu thuỷ thu nhập trung bình khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Anh đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu và bố mẹ đẻ anh sẽ hỗ trợ anh việc nuôi con. Nay chị T có nguyện vọng nuôi cháu và cháu C có nguyện vọng ở với mẹ anh đồng ý. Trong thời gian chị T đi làm ăn xa anh đồng ý giao cháu C cho bà Nguyễn Thị T2 (mẹ đẻ chị T) chăm sóc nuôi dưỡng giúp.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại quá trình Toà án giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Phương T đang đi lao động ở Nhật Bản nên Toà án chỉ giao các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ chị T nhận thay). Sau khi nhận các văn bản bà T1 đã thông báo cho chị T được biết. Tại biên bản làm việc ngày 21-12-2025 với bà Trần Thị T1 bà đã liên hệ với chị T qua ứng dụng zalo. Qua trao đổi, chị T trình bày như sau: Chị được biết anh H đang giải quyết việc ly hôn tại Toà án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng. Chị và anh H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương vào năm 2007. Trong quá

trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh H xin ly hôn chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị đồng ý ly hôn.

Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 09-02-2016 hiện nay đang ở cùng với bố mẹ chị. Nay anh chị ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài chị uỷ quyền cho bố mẹ chị được thay mặt chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện chị đi lao động ở nước ngoài nên xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên toà. Chị vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị Phương T và là mẹ vợ của anh Phạm Quốc H. Anh H và chị T được tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Bà cũng không biết nguyên nhân gì dẫn đến anh chị xảy ra mâu thuẫn. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay chị T đang đi lao động ở Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Anh H, chị T có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh C. Cháu C đang ở cùng với ông bà. Chị T và anh H vẫn quan tâm, gửi tiền nuôi dưỡng cháu. Chị T có biết việc anh H xin ly hôn, chị có nói với bà chị cũng đồng ý. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C. Nếu chị T nuôi con, ông bà vẫn tiếp tục giúp chị T, chăm sóc nuôi dưỡng cháu C trong thời gian chị đi làm ăn xa nhà.

Ông bà là cha mẹ chỉ mong các con hoà thuận, đoàn tụ là điều tốt nhất còn anh chị không thể tiếp tục chúng sống với nhau thì đó là quyền của anh chị tự quyết định. Bà xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên toà. Bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên toà nguyên đơn anh Phạm Quốc H, bị đơn chị Trần Thị Phương T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Quốc H được ly hôn chị Phạm Thị Phương T3.

2.Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 09-02-2016 cho chị Trần Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng.Trong thời gian chị T đang đi làm ăn xa tạm giao cháu Phạm Ngọc Minh C cho bà Trần Thị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Anh Phạm Quốc H có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị Phương T. Chị T có đăng kí hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang đi lao động ở Nhật Bản. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà anh H, chị T và bà T1 đều có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị T và bà T1.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc H, chị Trần Thị Phương T được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn vào ngày 07-11-2007 tại UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh H và chị T cùng xác định vợ chồng mâu thuẫn và không còn tình cảm nữa. Anh H xin ly hôn chị T đồng ý. Xác minh tại gia đình thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, hoà giải không được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh H xin ly hôn chị T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 09-02-2016. Nay vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C. Anh H và chị T cùng có nguyện vọng giao con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh chị cùng thống nhất tạm giao cháu C cho bà Trần Thị T1 (mẹ đẻ chị T) và bà đồng ý chăm sóc cháu thay cho chị T trong thời gian đi làm ăn xa nhà. Xét nguyện vọng của các bên là tự nguyện nên chấp nhận giao con chung là Phạm Ngọc Minh C cho chị Trần Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con cho chị T kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu C cho bà Trần Thị T1 chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị T đi làm ăn xa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Quốc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Quốc H được ly hôn chị Trần Thị Phương T.

2.Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 09-02-2016 cho chị Trần Thị Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T đang đi làm ăn xa tạm giao cháu Phạm Ngọc Minh C cho bà Trần Thị T1 nuôi

dưỡng, chăm sóc. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/25E số 0003499 ngày 10-10-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt